TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GIÁ RAI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 197/2018/QĐST – HNGĐ	*Giá Rai, ngày 29 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 285/2018/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Thúy D** sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh B.

Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn B** sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Dương Thị Thúy D và anh Huỳnh Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Về hôn nhân: anh B và chị D thống nhất chung sống từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn số 57 quyển số 03 ngày 22/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã M huyện V. Hai bên thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2/ Về con chung: Hai bên thống nhất có 02 con chung tên Huỳnh Văn P sinh ngày 19/3/2006 và Huỳnh Phước T sinh ngày 17/4/2018. Chị D và anh B thống nhất tự nguyện thỏa thuận giao 02 con chung cho chị Dương Thị Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng

là 700.000 đồng cho mỗi con chung, 02 con chung là 1.400.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày hòa giải (ngày 21/8/2018) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị D trực tiếp nuôi con có quyền nhận tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ tới lui, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

2.3/ Về tài sản và nợ chung: Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.4/ Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình anh B, chị D mỗi người phải nộp 75.000 đồng. Chị D đã dự nộp 300.000 đồng lai thu số 0012271 ngày 17/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai chuyển thu án phí 75.000 đồng và chị D được nhận lại 225.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh B phải nộp 150.000 đồng do anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con trước khi tiến hành hòa giải, tổng án phí anh B phải nộp là 225.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Giang Thị Cẩm Thúy